TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ L** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 192/2019/QĐST–HNGĐ	*Đà L, ngày 04 tháng 5 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 226/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2019 giữa:

- *Nguyên đơn:* Anh **Lê Văn L**, sinh năm 1994

Địa chỉ: Tổ 11 Thái Phiên, phường 12, thành phố Đà L, tỉnh Lâm Đồng.

- *Bị đơn:* Chị **Trần Ngọc B**, sinh năm 1995

Địa chỉ: Tổ 11 Thái Phiên, phường 12, thành phố Đà L, tỉnh Lâm Đồng.

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 7, Điều 26; điểm a, khoản 5, điểm a, b, khoản 6, Điều 27; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 4 năm 2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26/4/2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Lê Văn L và chị Trần Ngọc B.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1: Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn L và chị Trần Ngọc B thỏa thuận thuận tình ly hôn.

2.2: Về con chung: Cả hai thỏa thuận giao cho chị Trần Ngọc B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Lê Trần Ngọc N, sinh ngày 23/02/2018 cho đến tuổi trưởng

thành. Anh Lê Văn L cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng (*Một triệu đồng/tháng*). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 6/2019 cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành.

Việc quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn, cấp dưỡng nuôi con và thăm nom con được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.3: Về tài sản chung: Cả hai xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4: Về nợ chung: Cả hai xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5: Về án phí: Anh Lê Văn L thỏa thuận chịu 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012078 ngày 10/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà L, tỉnh Lâm Đồng. Anh Lành đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án và tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND Tp. Đà L;
- Chi cục THADS Tp. Đà L;
- UBND Phường 12, Tp Đà L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đã kí và đóng dấu

Nguyễn Thị Huyền